

Bản án số: 203/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2017

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Liên

2. Ông Lê Văn Răng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công: bà Phạm Thị Kim Trinh, kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 19/2017/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 58/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Thị Phương Q**, sinh năm 1992, có mặt

Địa chỉ: đường NTH, khu phố N, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Bị đơn: **Võ Anh T**, sinh năm 1983, vắng mặt

Địa chỉ: đường NTC, khu phố B, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Phương Q trình bày: Tự nguyện kết hôn, có tổ chức cưới vào tháng 10/ 2009, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới sống chung gia đình chồng được 01 tháng thì vợ chồng về sống bên nhà mẹ ruột để trông nom nhà. Sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh không quan tâm cuộc sống gia đình, không lo làm phụ chi nuôi con, thường xuyên uống rượu, quan hệ tình cảm với phụ nữ khác,

khi cha mẹ vợ khuyên nhủ thì anh gây sự cự cãi với chị rồi bỏ nhà đi từ tháng 7/2016. Sau đó anh có về vài lần rồi đi luôn đến nay không gặp để trao đổi hàn gắn tình cảm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Có 01 con chung tên Võ Thành H sinh ngày 29/6/2011. Từ trước đến nay con sống với chị. Yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con vì nhận thấy anh không nghề nghiệp, không có thu nhập. Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Võ Anh T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không đến Tòa từ khi thụ lý đến khi xét xử. Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14, đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Võ Anh T. Tuy nhiên trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh T vắng mặt là tự từ bỏ lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Việc vắng mặt của đương sự không vì lý do bất khả kháng, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về hôn nhân, chị Lê Thị Phương Q và anh Võ Anh T có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định, được UBND phường M, thị xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2011 ngày 12/7/2011, là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn chủ yếu là do hoàn cảnh sống chung gia đình vợ nhưng anh không lo làm phụ chị nuôi con mà thường xuyên uống rượu, không quan tâm cuộc sống gia đình, nên xảy ra mâu thuẫn cự cãi nhau, anh bỏ nhà đi từ tháng 7/2016 đến nay. Thời gian xa cách không hàn gắn tình cảm nên mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. Chị nộp đơn xin ly hôn, Tòa án đã triệu tập anh 02 lần để hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh không đến, cho thấy anh T không còn thiết tha với cuộc sống hôn nhân. Xét mục đích hôn

nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương Q.

[2] Về nuôi con chung, qua xác minh ở địa phương được biết chị trực tiếp nuôi con chung từ khi về sống bên mẹ ruột đến nay. Chị có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định. Con chung đã quen sống ổn định bên mẹ, không làm xáo trộn điều kiện sống và tâm sinh lý của con vị thành niên, nên cần để cháu được tiếp tục sống với chị là phù hợp. Hoàn cảnh của anh T hiện nay không có nơi ở ổn định, không nghề nghiệp. Chị Q tự nguyện không yêu cầu anh T đóng góp nuôi con chung, thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, ghi nhận chị Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí theo quy định.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Phương Q.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Phương Q và anh Võ Anh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Võ Thành H sinh ngày 29/6/2011 cho chị Lê Thị Phương Q tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Võ Anh T không phải đóng góp nuôi con vì chị Lê Thị Phương Q không yêu cầu. Anh Võ Anh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Án phí sơ thẩm: Chị Q phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 41590 ngày 08/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Anh Võ Anh T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa

phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND txGC
- Chi cục THA txGC
- UBND phường M, txGC
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

Trần Văn Dũng